

Vietnamese

Business & Law

月刊 ベトナム法令・ビジネス情報

BẢN TIN

Ngày 30 Tháng 11 Năm 2010

Nội dung	Trang
I. THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN	
1. Thuế TNCN đối với các khoản chi bằng tiền	1
2. Xử lý thuế TNCN nộp thừa so với quyết toán thuế	1
II. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	
1. Chuyển lỗ bù trừ thu nhập giữa công ty mẹ và công ty con hạch toán độc lập	1
2. Tính pháp lý của chứng từ điện tử để làm cơ sở cho việc ghi nhận chi phí hợp lý	1
III. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	
1. Nghĩa vụ về thuế khi chuyển nhượng tài sản giữa hai DNCX	1
2. Cách viết hóa đơn đối với hàng mẫu	2
3. Các văn bản hướng dẫn bổ sung Thông tư 153/2010/TT-BTC về hóa đơn tự in	2
IV. THUẾ NHÀ THẦU	
1. Biểu mẫu kê khai thuế TNDN đối với trường hợp áp dụng phương pháp “Hybrid”	2
V. LAO ĐỘNG	
1. Mức lương tối thiểu vùng đối với lao động Việt Nam làm việc cho “DN vốn nước ngoài”	2
2. Mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc cho “DN trong nước”	3
3. Bồi thường cho người sử dụng lao động khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động	3

I-GLOCAL CO., LTD. SCS GLOBAL AUDIT COMPANY LIMITED “SCSA”

“SCSA” is a group audit firm of I-GLOCAL

Hanoi – Room 1503, 15th Floor, VIT Tower, 519 Kim Ma St., Ba Dinh Dist., Hanoi, Vietnam Tel: +84 4 2220 0334
HCMC – Room 903, 9th Floor, SunWah Tower, 115 Nguyen Hue St., Dist.1., HCMC, Vietnam Tel: +84 8 3827 8096

Key Contacts

(Japanese) **Yusuke Kaburagi**(蕪木): yusuke.kaburagi@i-glocal.com

(HCM Office) **Nguyen Dinh Phuc** : nguyen.dinh.phuc@i-glocal.com

Vo Tan Huu : vo.tan.huu@i-glocal.com

(Hanoi Office) **Nguyen Quynh Nam** : nguyen.quynh.nam@scsglobal.vn

Ta Huong Ly : ta.huong.ly@i-glocal.com

Takayuki Jitsuhara (實原): takayuki.jitsuhara@i-glocal.com

Tran Nguyen Trung : tran.nguyen.trung@i-glocal.com

Vu Lam : vu.lam@scsglobal.vn

Nguyen Cam Chi : nguyen.cam.chi@scsglobal.vn

© 2010 I-GLOCAL CO., LTD. All rights reserved.

This newsletter is published for our clients and other interested parties. The information presented contains only highlights and we recommend that you seek professional advice before taking action on specific issues. Please contact: I-GLOCAL offices (info@i-glocal.com) for further information.





I. THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

1. Công văn số 10882/CT-TT&HT của Cục thuế tỉnh Bình Dương ngày 05 tháng 11 năm 2010 về thuế TNCN đối với các khoản chi bằng tiền

Theo hướng dẫn tại Công văn 10882/CT-TT&HT, trường hợp Công ty có các khoản chi bằng tiền cho nhân viên phục vụ cho các mục đích như tiếp khách, thực hiện thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu, thực hiện thủ tục liên quan tới giấy phép đầu tư..., nếu các khoản chi này không có hóa đơn, chứng từ chứng minh thì sẽ được hiểu là khoản thu nhập và lợi ích khác của nhân viên. Khoản thu nhập này sẽ được tính vào thu nhập chịu thuế TNCN của nhân viên tương ứng với số tiền thực chi.

2. Công văn số 4388/TCT-TNCN của Tổng cục Thuế ngày 01 tháng 11 năm 2010 về xử lý thuế TNCN nộp thừa so với quyết toán thuế

Công ty chi trả thu nhập cho người lao động theo tiền lương NET (không bao gồm thuế TNCN) và đứng ra nộp thuế TNCN cho người lao động theo quy định. Trường hợp, thuế TNCN đã nộp thừa so với quyết toán thuế, thì cơ quan thuế sẽ xem xét thực hiện hoàn thuế cho Công ty, không xử lý bù trừ số thuế TNCN nộp thừa vào các kỳ nộp của năm sau. Hướng dẫn trên được quy định cụ thể tại Công văn số 4388/TCT-TNCN.

II. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

1. Công văn số 4474/TCT-CS của Tổng cục Thuế ngày 05 tháng 11 năm 2010 về việc chuyển lỗ bù trừ thu nhập giữa công ty mẹ và công ty con hạch toán độc lập

Luật thuế TNDN và các văn bản hướng dẫn hiện hành không có quy định về bù trừ lỗ của công ty mẹ với các khoản thu nhập sau thuế của các công ty con hạch toán độc lập. Theo đó, quan điểm hướng dẫn tại Công văn 4474/TCT-CS trong việc

bù trừ lỗ của công ty mẹ với các khoản thu nhập sau thuế của công ty con hạch toán độc lập chuyển về là không được phép.

Cũng theo quan điểm tại Công văn này, việc lập báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ (xác định lợi nhuận hợp nhất thu nhập của công ty mẹ và công ty con) chỉ phục vụ cho mục đích quản trị doanh nghiệp.

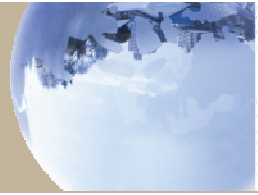
2. Công văn 4476/TCT-CS của Tổng Cục Thuế ngày 05 tháng 11 năm 2010 về tính pháp lý của chứng từ điện tử để làm cơ sở cho việc ghi nhận chi phí hợp lý

Các chứng từ điện tử như hợp đồng quảng cáo, hóa đơn, bảng kê chi tiết giao dịch... được coi là các chứng từ hợp pháp để làm cơ sở ghi nhận chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN nếu các chứng từ này được thực hiện đúng theo quy định tại Luật Giao dịch điện tử, các văn bản pháp luật hướng dẫn Luật Giao dịch điện tử và các văn bản liên quan. Quan điểm này được đề cập rõ tại Công văn 4476/TCT-CS.

III. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

1. Công văn số 10760/CT-TT&HT của Cục thuế tỉnh Bình Dương ngày 03 tháng 11 năm 2010 về thuế GTGT liên quan tới việc chuyển nhượng tài sản giữa hai doanh nghiệp chế xuất

Theo Thông tư số 129/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 26 tháng 12 năm 2008, hàng hóa, dịch vụ được mua bán giữa nước ngoài với các khu phi thuế quan và giữa các khu phi thuế quan với nhau được coi là đối tượng không chịu thuế GTGT. Theo đó, quan điểm hướng dẫn tại Công văn 10760/CT-TT&HT đối với việc bán máy móc, nhà xưởng và chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hai DNCX là các giao dịch này thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.



Công văn cũng nêu rõ, khi lập hóa đơn cho các tài sản chuyển nhượng, bên bán phải lập hóa đơn riêng cho từng loại tài sản để bên mua có cơ sở hạch toán kế toán.

2. Công văn số 10448/TCT-TT&HT của Cục thuế tỉnh Bình Dương ngày 26 tháng 10 năm 2010 về hóa đơn hàng mẫu

Trường hợp Công ty có chương trình gửi hàng mẫu cho khách hàng không thu tiền, nếu chương trình gửi hàng mẫu cho khách hàng:

- Tuân thủ theo quy định tại Nghị Định số 37/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 04 tháng 04 năm 2006 hướng dẫn về hoạt động xúc tiến thương mại, thì Công ty lập hóa đơn, dòng thuế suất, thuế GTGT không ghi, gạch chéo;
- Không tuân thủ theo quy định tại Nghị định 37/2006/NĐ-CP, thì Công ty phải lập hóa đơn như trường hợp hàng hóa bán ra thông thường.

Trong cả hai trường hợp nói trên, trên hóa đơn đều ghi rõ hàng mẫu không thu tiền. Quan điểm trên được hướng dẫn tại Công văn 10448/TCT-TT&HT.

3. Các văn bản hướng dẫn liên quan tới Thông tư 153/2010/TT-BTC về hóa đơn tự in

- Quyết định số 2905/QĐ-BTC của Bộ Tài chính ngày 09 tháng 11 năm 2010 về việc đính chính Thông tư 153/2010/TT-BTC liên quan tới hóa đơn xuất khẩu, thông tin trên hóa đơn và một số biểu mẫu liên quan;
- Công văn số 7079/CT-TTHT của Cục thuế TP. HCM ngày 03 tháng 11 năm 2010 hướng dẫn chi tiết về nội dung, thiết kế mẫu hóa đơn tự in, đặt in theo quy định tại Thông tư 153/2010/TT-BTC;

- Thông báo của Cục thuế thành phố Hải Phòng về danh sách một số nhà in hóa đơn tại Hải phòng, Hà Nội, Quảng Ninh và TP. Hồ Chí Minh đủ điều kiện in hóa đơn theo Thông tư 153/TT-BTC.

IV. THUẾ NHÀ THẦU

1. Công văn số 13983/BTC-TCT của Bộ Tài Chính ngày 18 tháng 10 năm 2010 về mẫu biểu kê khai thuế TNDN đối với trường hợp nhà thầu áp dụng nộp thuế nhà thầu theo phương pháp hỗn hợp (phương pháp “Hybrid”)

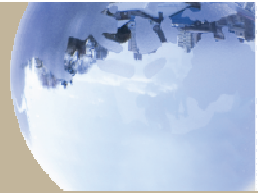
Trong thời gian chờ sửa đổi bổ sung Thông tư số 60/2007/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 14 tháng 06 năm 2007 hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Quản lý thuế, Công văn 13983/BTC-TCT ban hành biểu mẫu kê khai thuế TNDN đối với trường hợp nhà thầu nước ngoài áp dụng nộp thuế theo phương pháp hỗn hợp.

Trong trường hợp trong một kỳ kê khai, nhà thầu nước ngoài có nhiều hoạt động với mức tỷ lệ thuế TNDN tính trên doanh thu khác nhau thì nhà thầu nước ngoài kê khai vào từng mẫu biểu trên từng tỷ lệ thuế TNDN tính trên doanh thu tương ứng với từng hoạt động.

V. LAO ĐỘNG

1. Nghị định 107/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 29 tháng 10 năm 2010 quy định về mức lương tối thiểu vùng đối với lao động Việt Nam làm việc cho “Doanh nghiệp vốn nước ngoài”

Doanh nghiệp vốn nước ngoài ở đây được hiểu là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế và cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.



Theo Nghị định 107/2010/NĐ-CP, mức lương tối thiểu vùng áp dụng để trả công đối với lao động Việt Nam làm việc cho Doanh nghiệp vốn nước ngoài hoạt động trên địa bàn thuộc các vùng I, II, III và IV lần lượt là 1.550.000 đồng/tháng, 1.350.000 đồng/tháng, 1.170.000 đồng/tháng và 1.100.000 đồng/tháng. Địa bàn áp dụng mức lương tối thiểu vùng I, II, III và IV được quy định tại Phụ lục I và II ban hành kèm theo Nghị định.

- Mức lương tối thiểu vùng được làm căn cứ tính các mức lương trong thang lương, bảng lương, các loại phụ cấp lương, tính các mức lương ghi trong hợp đồng lao động, thực hiện các chế độ khác do doanh nghiệp xây dựng. Đây cũng là căn cứ để các doanh nghiệp điều chỉnh lại mức tiền lương cho phù hợp tại từng thời kỳ.
- Mức lương tối thiểu vùng sẽ áp dụng tại các địa bàn quy định tại Phụ lục I kèm Nghị định từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 và tại các địa bàn quy định tại Phụ lục II kèm Nghị định từ ngày 01 tháng 07 năm 2011.

Nghị định này thay thế cho Nghị định 98/2009/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 30 tháng 10 năm 2009.

2. Nghị định 108/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 29 tháng 10 năm 2010 quy định về mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc tại “Doanh nghiệp trong nước”

Doanh nghiệp trong nước ở đây được hiểu là công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các tổ chức khác của Việt Nam có thuê mướn lao động.

Theo Nghị định 108/2010/NĐ-CP, mức lương tối thiểu vùng áp dụng để trả công đối với người lao động làm việc tại Doanh nghiệp trong nước trên địa bàn thuộc các vùng I, II, III và IV lần lượt là

1.350.000 đồng/tháng, 1.200.000 đồng/tháng, 1.050.000 đồng/tháng và 830.000 đồng/tháng. Địa bàn áp dụng mức lương tối thiểu vùng I, II, III và IV được quy định tại Phụ lục I và II ban hành kèm theo Nghị định.

Mức lương tối thiểu vùng sẽ áp dụng tại các địa bàn quy định tại Phụ lục I kèm Nghị định từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 và tại các địa bàn quy định tại Phụ lục II kèm Nghị định từ ngày 01 tháng 07 năm 2011.

Nghị định này thay thế cho Nghị định 97/2009/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 30 tháng 10 năm 2009.

3. Công văn 3755/LĐTBXH-PC của Bộ Lao động Thương binh Xã hội ngày 27 tháng 10 năm 2010 về bồi thường người sử dụng lao động khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật

Theo hướng dẫn tại Công văn 3755/LĐTBXH-PC, khi người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động không vi phạm về lý do chấm dứt, nhưng vi phạm quy định về thời hạn báo trước (không báo trước hoặc báo trước nhưng thực hiện không đủ số ngày báo trước theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 37 Bộ Luật Lao động đã sửa đổi, bổ sung) thì người lao động không được hưởng trợ cấp thôi việc, đồng thời phải bồi thường cho người sử dụng lao động nửa tháng tiền lương và phụ cấp lương (nếu có) và một khoản tiền lương ứng với tiền lương của người lao động trong những ngày không báo trước.

**Các Từ Viết Tắt:**

CIT	Thuế thu nhập doanh nghiệp	IZ	Khu công nghiệp
PIT	Thuế thu nhập cá nhân	JVs	Công ty liên doanh
VAT	Thuế giá trị gia tăng	MoF	Bộ tài chính
FCT	Thuế nhà thầu	MoIT	Bộ công thương
FA	Tài sản cố định	MoLISA	Bộ lao động, thương binh và xã hội
GDC	Tổng cục Hải Quan	MPI	Bộ kế hoạch và đầu tư
GDT	Tổng Cục Thuế	OL	Công văn
EPE	Doanh nghiệp chế xuất	SBV	Ngân hàng nhà nước Việt Nam
EPZ	Khu chế xuất	SST	Thuế tiêu thụ đặc biệt